

Số: 10/2024/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ, hỗ trợ

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ, hỗ trợ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 2 như sau:

“3. *Tạp chí quốc tế có uy tín* là các tạp chí khoa học được lựa chọn từ các danh mục tạp chí được xếp hạng và phân loại theo cơ sở dữ liệu khoa học phổ biến trên thế giới, do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

4. *Tác giả chính* của bài báo công bố trên các tạp chí khoa học là tác giả có đóng góp quan trọng trong việc hình thành ý tưởng, tổ chức triển khai nghiên cứu và công bố các kết quả nghiên cứu.

5. *Đề tài thăm dò, khám phá* là đề tài nhằm thúc đẩy nghiên cứu của các nhà khoa học trẻ dưới 40 tuổi hoặc nhà khoa học lần đầu đăng ký đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ.

6. *Đề tài phát triển* là đề tài hướng tới các mục tiêu lớn, dài hạn nhằm thúc đẩy các kết quả nghiên cứu khoa học xuất sắc, đột phá, kết hợp xây dựng nhóm nghiên cứu, đào tạo nhân lực khoa học trình độ cao.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Các đề tài được Quỹ tài trợ

Quỹ xem xét tài trợ các đề tài nghiên cứu cơ bản do tổ chức, cá nhân đề xuất, bao gồm:

1. Đề tài thăm dò, khám phá;

2. Đề tài phát triển.”

3. Bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Tham dự và trình bày báo cáo về kết quả đề tài tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế ở nước ngoài.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Đánh giá thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng khoa học) và chuyên gia tư vấn độc lập (ngoài Hội đồng khoa học) khi cần thiết;”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Chuyên gia đánh giá

1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học được Quỹ mời tư vấn, đánh giá về các nội dung liên quan đến hoạt động tài trợ, hỗ trợ của Quỹ với vai trò chuyên gia tư vấn độc lập hoặc thành viên Hội đồng khoa học. Chuyên gia đánh giá đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

a) Chuyên gia đánh giá có kết quả nghiên cứu được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo trong 05 năm gần nhất. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

b) Đồng ý tham gia công việc tư vấn, đánh giá với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.

2. Chuyên gia đánh giá chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan công việc tư vấn, đánh giá; tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu trong quá trình đánh giá.

3. Chuyên gia đánh giá không tham gia đánh giá đề tài do mình đăng ký làm chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện, đề tài do tổ chức nơi mình công tác đăng ký chủ trì; không tham gia các hoạt động tư vấn, đánh giá khoa học và công nghệ nếu có quyền, lợi ích hoặc xung đột liên quan khác hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết quả đánh giá.

4. Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt quy chế về cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ phù hợp với các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều này.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Hội đồng khoa học

1. Hội đồng khoa học được thành lập theo ngành hoặc liên ngành khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn cho Quỹ về các vấn đề sau đây:

- a) Đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện đề tài;
- b) Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Thành viên Hội đồng khoa học được lựa chọn theo các điều kiện và tiêu chí sau đây:

- a) Thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ;
- b) Được các nhà khoa học cùng ngành hoặc liên ngành tín nhiệm giới thiệu;
- c) Có cam kết tham gia và thực hiện các quy định của Quỹ;
- d) Tiêu chí đối với chuyên gia đánh giá quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

3. Hội đồng khoa học hoạt động theo nhiệm kỳ 02 năm. Thành viên tham gia Hội đồng khoa học không quá 03 nhiệm kỳ liên tiếp; các thành viên thường trực Hội đồng khoa học (bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch và thư ký khoa học) đảm nhiệm vị trí thường trực không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.

4. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng khoa học theo đề xuất của Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ.

5. Hội đồng quản lý Quỹ quy định quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài

1. Căn cứ theo kế hoạch hoạt động, Quỹ thông báo về hoạt động tài trợ đề tài nghiên cứu cơ bản, hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan và thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tài trợ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ.

2. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo mẫu được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

- a) Đơn đăng ký đề tài (Mẫu NAFOSTED 01, Mẫu NAFOSTED 01E);
- b) Thuyết minh đề tài (Mẫu NAFOSTED 02, Mẫu NAFOSTED 02E);
- c) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu tham gia đề tài (Mẫu NAFOSTED 03, Mẫu NAFOSTED 03E), các tài liệu minh chứng kết quả nghiên cứu, đào tạo;

3. Hồ sơ có thể được nộp thông qua các hình thức: nộp trực tiếp hoặc thông

qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của Quỹ hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài

1. Đối với tổ chức chủ trì đề tài:

a) Có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài, có đủ các điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu của đề tài;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài, đã nộp báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài và hoàn trả kinh phí thu hồi theo quy định đối với các đề tài được Quỹ tài trợ trước đó (nếu có).

2. Đối với chủ nhiệm đề tài:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu đề tài;

b) Có năng lực nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đề tài: có học vị tiến sĩ và có kết quả nghiên cứu chuyên ngành phù hợp được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Quỹ thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký đề tài;

3. Thành viên tham gia đề tài phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, bao gồm:

a) Thành viên chính, thư ký khoa học: Có học vị tiến sĩ và có kết quả nghiên cứu phù hợp với nội dung đề tài được công bố trên tạp chí khoa học trong thời gian 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Quỹ thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký đề tài.

Trường hợp là thạc sĩ phải có kết quả nghiên cứu phù hợp, có 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc 01 sách chuyên khảo hoặc 02 bài báo khoa học khác đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Quỹ thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký đề tài;

b) Thành viên;

c) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ khác;

d) Nghiên cứu sinh tham gia thực hiện đề tài có nội dung luận án phù hợp với đề tài.

4. Đối với đề tài phát triển, ngoài các yêu cầu quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính của ít nhất 01 công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc nhóm phần tư thứ nhất hoặc thứ hai (Q1 hoặc Q2) trong thời

gian 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Quỹ thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký đề tài, có khả năng tập hợp được nhiều nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao tham gia thực hiện đề tài, duy trì được hợp tác nghiên cứu khoa học thường xuyên với các nhóm nghiên cứu quốc tế cùng ngành, liên ngành;

b) Có ít nhất 02 thành viên chính của đề tài đáp ứng yêu cầu của chủ nhiệm đề tài nêu tại khoản 2 Điều này.

5. Tại cùng một thời điểm, mỗi cá nhân được làm chủ nhiệm không quá 01 (một) đề tài do Quỹ tài trợ (trừ trường hợp đảm nhiệm thêm vai trò chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn).

6. Chủ nhiệm đề tài không vi phạm các điều kiện đăng ký chủ trì, tham gia đề tài theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư này.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Yêu cầu về thời gian thực hiện và kết quả nghiên cứu của đề tài

1. Thời gian thực hiện đề tài

a) Đối với đề tài thăm dò, khám phá, thời gian thực hiện đề tài là 36 tháng (chưa bao gồm thời gian gia hạn);

b) Đối với đề tài phát triển, thời gian thực hiện đề tài là 48 hoặc 60 tháng (chưa bao gồm thời gian gia hạn).

2. Kết quả nghiên cứu của đề tài thăm dò, khám phá phải có ít nhất 01 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc Danh mục do Quỹ ban hành gần nhất trước thời điểm gửi đăng.

Chủ nhiệm đề tài thăm dò, khám phá là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài.

3. Kết quả nghiên cứu của đề tài phát triển phải có ít nhất 02 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc nhóm phần tư thứ nhất hoặc nhóm phần tư thứ hai thuộc Danh mục do Quỹ ban hành gần nhất trước thời điểm gửi đăng và hỗ trợ đào tạo ít nhất 01 nghiên cứu sinh.

Chủ nhiệm đề tài, thành viên chính của đề tài phát triển là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài. Nghiên cứu sinh của đề tài phát triển là tác giả của ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài.

4. Các công bố là kết quả nghiên cứu của đề tài phải ghi nhận tài trợ của Quỹ theo đúng mã số đề tài. Trường hợp công bố ghi nhận tài trợ theo nhiều đề tài do Quỹ tài trợ hoặc ghi nhận tài trợ đồng thời bởi Quỹ và tổ chức tài trợ khác, cần có giải trình chi tiết và cung cấp đầy đủ minh chứng về việc không sử dụng trùng lặp nguồn kinh phí của Quỹ hoặc nguồn kinh phí khác của Nhà nước.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Phương thức, tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài

1. Quỹ thực hiện việc đánh giá xét chọn đề tài theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài:

a) Sự phù hợp với loại hình đề tài nghiên cứu cơ bản được Quỹ tài trợ, tầm quan trọng, ý nghĩa, sự cần thiết của đề tài;

b) Tính mới, tính sáng tạo của đề tài;

c) Mục tiêu đề tài (mức độ rõ ràng, cụ thể và cơ sở khoa học); sự phù hợp của nội dung, phương pháp và kế hoạch nghiên cứu để đạt được mục tiêu đề tài;

d) Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì phục vụ nghiên cứu;

đ) Kết quả dự kiến, khả năng thành công của đề tài;

e) Đóng góp đào tạo sau đại học;

g) Dự toán kinh phí nghiên cứu hợp lý.

3. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể về trình tự tổ chức đánh giá xét chọn và phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại các phiên họp đánh giá xét chọn đề tài.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Thẩm định kinh phí, phê duyệt và công bố danh mục đề tài

1. Căn cứ kết quả đánh giá xét chọn, Cơ quan điều hành Quỹ thẩm định kinh phí thực hiện các đề tài được đề nghị tài trợ. Việc thẩm định kinh phí thực hiện thông qua Tổ thẩm định kinh phí. Hội đồng quản lý Quỹ quy định về thành phần và phương thức làm việc của Tổ thẩm định kinh phí, giao Giám đốc Quỹ thành lập Tổ thẩm định kinh phí.

2. Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo kết quả đánh giá xét chọn, kết quả thẩm định kinh phí, đối chiếu với kế hoạch, khả năng tài chính của Quỹ và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí các đề tài được Quỹ tài trợ.

3. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí các đề tài được Quỹ tài trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

4. Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Thực hiện hợp đồng tài trợ nghiên cứu khoa học

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí các đề tài được Quỹ tài trợ Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thủ tục hoàn thiện hồ sơ để ký hợp đồng.

2. Cơ quan điều hành Quỹ ký hợp đồng tài trợ nghiên cứu khoa học (sau đây gọi là hợp đồng) với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED 04).

3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá đề tài và giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài. Thuyết minh đề tài sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.

4. Hủy bỏ quyết định phê duyệt tài trợ, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện đề tài áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 14 đến Điều 22 Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Báo cáo và kiểm tra định kỳ

1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED 05), gửi Cơ quan điều hành Quỹ.

2. Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng đánh giá định kỳ để đánh giá về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài.

Trong trường hợp cần thiết Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài theo đề xuất của Hội đồng đánh giá định kỳ. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.

3. Kết quả đánh giá định kỳ và kết quả kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài (nếu có) được thông báo tới tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quy định về thành phần và phương thức làm việc của Hội đồng đánh giá định kỳ.”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Báo cáo kết quả thực hiện đề tài

1. Báo cáo kết quả thực hiện đề tài, bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED 06);

b) Phụ lục về kết quả công bố và các kết quả khác của đề tài có minh chứng kèm theo.

2. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện đề tài và nộp đến Quỹ trong thời gian 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc thời gian thực hiện đề tài.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Đánh giá kết quả đề tài

1. Quỹ tổ chức đánh giá kết quả đề tài theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài bao gồm:

a) Báo cáo kết quả thực hiện đề tài;

b) Hợp đồng (bao gồm thuyết minh đề tài);

c) Các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

3. Tiêu chí đánh giá kết quả đề tài:

a) Tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài;

b) Số lượng, chất lượng kết quả nghiên cứu đạt được trong thời gian thực hiện đề tài được thể hiện trong báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài và các minh chứng kèm theo;

c) Số lượng, chất lượng kết quả công bố trong thời gian thực hiện đề tài (nếu có): Bài báo đã được các tạp chí quốc tế có uy tín, tạp chí khoa học khác công bố (trực tuyến hoặc bản in); bài báo đã nộp đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, được tạp chí tiếp nhận và gửi xin ý kiến phản biện; báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học; sách chuyên khảo; các kết quả khác;

d) Đào tạo sau đại học; hỗ trợ nhà khoa học trẻ; hợp tác phát triển nhóm nghiên cứu;

đ) Mức độ thành công của đề tài khi so sánh kết quả đạt được với mục tiêu nghiên cứu và kết quả dự kiến đề ra trong thuyết minh.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quy định về trình tự tổ chức đánh giá kết quả đề tài và phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại phiên họp đánh giá kết quả đề tài.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Công nhận và xử lý đánh giá kết quả đề tài

1. Trên cơ sở đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm đăng ký kết quả thực hiện theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu giữ thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp nội dung đánh giá kết quả thực hiện đề tài, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

3. Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng.

4. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và các thành viên nhóm nghiên cứu của đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ được công nhận về thành tích nghiên cứu tương đương với thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

5. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

Trường hợp đề tài không đạt, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 02 năm kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài.

Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm liên chính học thuật và đạo đức nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài và những người bị truy cứu trách nhiệm hình sự không được tham gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 05 (năm) năm kể từ ngày có văn bản xử lý vi phạm và đã thực hiện, chấp hành xong nghĩa vụ theo văn bản xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”.

17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 1 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Tiếp nhận, quản lý sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ, xác nhận tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí đề tài và quản lý hồ sơ chứng từ theo đúng quy định;”;

b) Bổ sung điểm l, điểm m vào sau điểm k khoản 1 như sau:

l) Đảm bảo liên chính học thuật và đạo đức nghiên cứu đối với các nội dung liên quan đến đề tài được Quỹ tài trợ;

m) Giới thiệu công khai trong tổ chức chủ trì các thông tin cập nhật về đề tài được Quỹ tài trợ, gồm tên đề tài, tổng kinh phí, thời gian thực hiện, chủ nhiệm và các thành viên đề tài, các kết quả nghiên cứu của đề tài trong suốt thời gian thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 08);”.

18. Bãi bỏ Điều 14.

19. Thay thế bổ sung các biểu mẫu ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư số 37/2014/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ như sau:

a) Thay thế các biểu mẫu NCCB01, NCCB01E, NCCB02, NCCB02E, NCCB03, NCCB03E, NCCB04, NCCB05, NCCB06, NCCB07, NCCB08 bằng các biểu mẫu NAFOSTED 01, NAFOSTED 01E, NAFOSTED 02, NAFOSTED 02E, NAFOSTED 03, NAFOSTED 03E, NAFOSTED 04, NAFOSTED 05, NAFOSTED 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bổ sung biểu mẫu NAFOSTED 07, NAFOSTED 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 40/2014/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ

1. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

“2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng* là đề tài khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao theo các hướng nghiên cứu ưu tiên do Quỹ ban hành, có triển vọng tạo ra sản phẩm mới (sau đây gọi là đề tài tiềm năng).

3. *Tạp chí quốc tế có uy tín* là các tạp chí khoa học được lựa chọn từ các danh mục tạp chí được xếp hạng và phân loại theo cơ sở dữ liệu khoa học phổ biến trên thế giới, do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

4. *Tác giả chính* của bài báo công bố trên các tạp chí khoa học là tác giả có đóng góp quan trọng trong việc hình thành ý tưởng, tổ chức triển khai nghiên cứu và công bố các kết quả nghiên cứu.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 3 như sau:

“c) Thời gian xuất hiện của vấn đề không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Thời gian thực hiện đề tài không quá 18 tháng (bao gồm cả thời gian gia hạn);”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 3 như sau:

“b) Các sản phẩm công bố của đề tài (nếu có) phải ghi nhận tài trợ của Quỹ theo đúng mã số đề tài. Trường hợp sản phẩm công bố ghi nhận tài trợ theo nhiều đề tài do Quỹ tài trợ hoặc ghi nhận tài trợ đồng thời bởi Quỹ và tổ chức tài trợ khác, cần có giải trình chi tiết và cung cấp đầy đủ minh chứng về việc không sử dụng trùng lặp nguồn kinh phí của Quỹ hoặc nguồn kinh phí khác của Nhà nước.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Yêu cầu đối với đề tài tiềm năng

1. Đề tài tiềm năng do tổ chức, cá nhân đề xuất với Quỹ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có tính đột phá, tiên phong, khi được nghiên cứu thành công có khả năng tạo ra sản phẩm mới; có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra khi đề tài được hoàn thành;

b) Phù hợp với hướng nghiên cứu ưu tiên do Quỹ ban hành;

c) Thời gian thực hiện đề tài không quá 36 tháng (bao gồm cả thời gian gia hạn).

2. Sản phẩm của đề tài

a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài bao gồm giải pháp khoa học và công nghệ với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn để thúc đẩy tạo ra sản phẩm mới, giải quyết vấn đề đặt ra.

b) Công bố khoa học dưới ít nhất một trong các hình thức sau:

- 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín và 01 bản thảo sách chuyên khảo (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn);

- 01 bằng sáng chế quyền sáng chế;

- 01 bằng bảo hộ giống cây trồng.

Trường hợp chưa được cấp bằng độc quyền sáng chế, bằng bảo hộ giống cây trồng thì phải có thông báo chấp nhận đơn và minh chứng về việc tiếp nhận yêu cầu thẩm định nội dung của cơ quan có thẩm quyền cấp bằng độc quyền sáng chế, bằng bảo hộ giống cây trồng và kết quả tra cứu khả năng bảo hộ từ các cơ quan, tổ chức có chứng nhận hoạt động hợp pháp.

Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính trong các bài báo khoa học, tác giả của bằng độc quyền sáng chế, tác giả bằng bảo hộ giống cây trồng là kết quả của đề tài. Thành viên chính của đề tài là tác giả của ít nhất 01 công bố là kết quả của đề tài.

Các sản phẩm công bố của đề tài phải ghi nhận tài trợ của Quỹ theo đúng mã số đề tài. Trường hợp sản phẩm công bố ghi nhận tài trợ theo nhiều đề tài do Quỹ tài trợ hoặc ghi nhận tài trợ đồng thời bởi Quỹ và tổ chức tài trợ khác, cần có giải trình chi tiết và cung cấp đầy đủ minh chứng về việc không sử dụng trùng lặp nguồn kinh phí của Quỹ hoặc nguồn kinh phí khác của Nhà nước.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Đánh giá thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng khoa học) và chuyên gia tư vấn độc lập (ngoài Hội đồng khoa học).”.

6. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Chuyên gia đánh giá

1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học, nhà quản lý được Quỹ mời tư

vấn, đánh giá về các nội dung liên quan đến hoạt động tài trợ, hỗ trợ của Quỹ với vai trò chuyên gia tư vấn độc lập hoặc thành viên Hội đồng khoa học. Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

a) Chuyên gia đánh giá là nhà khoa học phải có kết quả nghiên cứu được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo hoặc là tác giả sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ trong thời gian 05 (năm) năm gần nhất. Chuyên gia đánh giá là nhà quản lý phải hoạt động trong lĩnh vực hoặc làm việc, công tác liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

b) Đồng ý tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.

2. Chuyên gia đánh giá chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan công việc tư vấn, đánh giá; tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu trong quá trình đánh giá.

3. Chuyên gia đánh giá không tham gia đánh giá đề tài do mình đăng ký làm chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện, đề tài do tổ chức nơi mình công tác đăng ký chủ trì; không tham gia các hoạt động tư vấn, đánh giá khoa học và công nghệ nếu có quyền, lợi ích hoặc xung đột liên quan khác hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết quả đánh giá.

4. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành quy chế về cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ phù hợp với các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Hội đồng khoa học

1. Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn cho Quỹ về các vấn đề sau đây:

a) Đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện đề tài;

b) Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Hội đồng khoa học bao gồm các thành viên là các nhà khoa học, nhà quản lý. Thành viên Hội đồng khoa học được lựa chọn theo các điều kiện và tiêu chí sau đây:

a) Thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ;

b) Có cam kết tham gia và thực hiện các quy định của Quỹ;

c) Tiêu chí đối với chuyên gia đánh giá quy định tại khoản 1 Điều 5a Thông tư này.

3. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng khoa học theo đề xuất của Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ.

4. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành quy định cụ thể về quy chế hoạt động của

Hội đồng khoa học.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài

1. Căn cứ theo kế hoạch hoạt động, Quỹ thông báo tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan và phương thức nộp hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài đột xuất, đề tài tiềm năng; công bố danh mục hướng nghiên cứu ưu tiên trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ.

2. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

- a) Đơn đăng ký đề tài (Mẫu NAFOSTED 01);
- b) Thuyết minh đề tài (Mẫu NAFOSTED 02);
- c) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài và các cá nhân đăng ký thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 03);
- d) Tài liệu liên quan khác nếu tổ chức, cá nhân thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ (nếu có).

3. Hồ sơ có thể được nộp thông qua các hình thức: nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của Quỹ hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện đề tài

1. Đối với tổ chức đăng ký chủ trì đề tài:

- a) Có tư cách pháp nhân, có năng lực hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài;
- b) Có điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp để triển khai thực hiện đề tài;
- c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài, đã nộp báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài và hoàn trả kinh phí thu hồi theo quy định đối với các đề tài được Quỹ tài trợ trước đó (nếu có).

2. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài:

- a) Là người đề xuất và chủ trì xây dựng thuyết minh đề tài;
- b) Có trình độ từ đại học trở lên và đang hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài;
- c) Có khả năng tổ chức thực hiện và bảo đảm thời gian để chủ trì đề tài;
- d) Không bị hạn chế quyền công dân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- đ) Không vi phạm các điều kiện đăng ký chủ trì đề tài theo quy định tại khoản

4 Điều 18 Thông tư này;

e) Đáp ứng ít nhất một trong các yêu cầu sau đây:

- Là tác giả chính của bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc là tác giả sáng chế, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ (có nội dung phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài đăng ký) trong thời gian 07 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Là tác giả sách chuyên khảo (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài đăng ký trong thời gian 07 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

3. Tại cùng một thời điểm, mỗi cá nhân được làm chủ nhiệm không quá 01 (một) đề tài do Quỹ tài trợ (trừ trường hợp đảm nhiệm thêm vai trò chủ nhiệm đề tài đột xuất).”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài

1. Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu và sự phù hợp với yêu cầu đối với đề tài đột xuất hoặc tiềm năng quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

2. Tính mới, tính sáng tạo, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

3. Mục tiêu đề tài (mức độ rõ ràng, cụ thể và cơ sở khoa học);

4. Sự phù hợp của nội dung, phương pháp và kế hoạch nghiên cứu để đạt được mục tiêu đề tài;

5. Dự toán kinh phí hợp lý;

6. Khả năng ứng dụng và phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài;

7. Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu; cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì phục vụ nghiên cứu.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Tổ chức đánh giá xét chọn đề tài

1. Quỹ tổ chức thực hiện việc đánh giá xét chọn đề tài theo nguyên tắc quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Quá trình tổ chức đánh giá xét chọn đề tài và công bố kết quả tài trợ kể từ thời điểm tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ không quá 30 ngày đối với đề tài đột xuất và không quá 60 ngày đối với đề tài tiềm năng (chưa bao gồm thời gian kiểm tra, khảo sát của tổ công tác quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Hội đồng quản lý Quỹ quy định về trình tự tổ chức đánh giá xét chọn và phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại các phiên họp đánh giá xét chọn đề tài.

Cơ quan điều hành Quỹ thành lập tổ công tác kiểm tra, khảo sát đánh giá cơ sở vật chất, kỹ thuật, năng lực, nguồn lực của tổ chức, cá nhân được giao thực hiện đề tài (nếu cần) trên cơ sở đề xuất của Hội đồng khoa học. Tổ công tác thực hiện việc kiểm tra, khảo sát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Thẩm định, phê duyệt và công bố danh mục đề tài được tài trợ

1. Căn cứ kết quả đánh giá xét chọn, Cơ quan điều hành Quỹ thẩm định kinh phí thực hiện các đề tài được đề nghị tài trợ. Việc thẩm định kinh phí thực hiện thông qua Tổ thẩm định kinh phí. Hội đồng quản lý Quỹ quy định về thành phần và phương thức làm việc của Tổ thẩm định kinh phí, giao Giám đốc Quỹ thành lập Tổ thẩm định kinh phí.

2. Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo kết quả đánh giá xét chọn, kết quả thẩm định kinh phí, đối chiếu với kế hoạch, khả năng tài chính của Quỹ và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí các đề tài được Quỹ tài trợ.

3. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí các đề tài được Quỹ tài trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

4. Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ theo thời hạn được quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Thực hiện hợp đồng tài trợ nghiên cứu khoa học

1. Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được tài trợ để hoàn thiện hồ sơ đề tài theo quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí.

2. Cơ quan điều hành Quỹ ký hợp đồng tài trợ nghiên cứu khoa học (sau đây gọi là hợp đồng) với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED 04).

3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá đề tài và giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài. Thuyết minh đề tài sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.

4. Hủy bỏ quyết định phê duyệt tài trợ, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện đề tài áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 14 đến Điều 22 Thông tư số 15/2016/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ và các văn bản sửa đổi

bổ sung (nếu có).”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Báo cáo và kiểm tra định kỳ

1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED 05), gửi Cơ quan điều hành Quỹ.

2. Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng đánh giá định kỳ để đánh giá về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài.

Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài theo đề xuất của Hội đồng đánh giá định kỳ. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.

3. Kết quả đánh giá định kỳ và kết quả kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài (nếu có) được thông báo tới tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành.

4. Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt quy định về thành phần và phương thức làm việc của Hội đồng đánh giá định kỳ.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Báo cáo kết quả thực hiện đề tài

1. Báo cáo kết quả đề tài, bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 06), kèm theo các minh chứng về sản phẩm công bố và đào tạo (nếu có);

b) Tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm định, đánh giá các sản phẩm của đề tài do các tổ chức có thẩm quyền thực hiện (nếu có);

c) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài (nếu có);

d) Bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là máy, thiết bị...), các số liệu điều tra, khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của đề tài (nếu có).

2. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện đề tài và nộp đến Quỹ trong thời gian 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc thời gian thực hiện đề tài.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Đánh giá kết quả đề tài

1. Quỹ tổ chức đánh giá kết quả đề tài theo nguyên tắc quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài bao gồm:

a) Báo cáo kết quả thực hiện đề tài;

b) Hợp đồng (bao gồm thuyết minh đề tài);

c) Các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

3. Tiêu chí đánh giá kết quả đề tài:

a) Việc tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài;

b) Số lượng, chất lượng kết quả nghiên cứu đạt được trong thời gian thực hiện đề tài được thể hiện trong báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài, giải pháp khoa học và công nghệ để giải quyết vấn đề đặt ra, sản phẩm mới (nếu có);

c) Số lượng, chất lượng kết quả công bố trong thời gian thực hiện đề tài (nếu có): Bằng độc quyền sáng chế; bằng bảo hộ giống cây trồng; bằng độc quyền giải pháp hữu ích; bài báo đã được các tạp chí quốc tế có uy tín, tạp chí khoa học khác công bố (trực tuyến hoặc bản in); bài báo đã nộp đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, được tạp chí tiếp nhận và gửi xin ý kiến phản biện; sách chuyên khảo; báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học; các kết quả khác;

d) Ý nghĩa thực tiễn, khả năng ứng dụng và phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài;

đ) Mức độ thành công của đề tài khi so sánh kết quả đạt được, sản phẩm mới (nếu có) với mục tiêu nghiên cứu và kết quả dự kiến đề ra trong thuyết minh;

4. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ thành lập tổ công tác kiểm tra thực tế, khảo sát đánh giá sản phẩm của đề tài theo đề xuất của Hội đồng khoa học. Tổ công tác thực hiện việc kiểm tra, khảo sát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập.

5. Hội đồng quản lý Quỹ quy định trình tự tổ chức đánh giá kết quả đề tài và phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại phiên họp đánh giá kết quả đề tài.”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Công nhận và xử lý đánh giá kết quả đề tài

1. Trên cơ sở đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm đăng ký kết quả thực hiện theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu giữ thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp nội dung đánh giá kết quả thực hiện đề tài, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

3. Quyết định công nhận kết quả thực hiện là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng.

4. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và các thành viên nhóm nghiên cứu của đề tài do Quỹ tài trợ được công nhận về thành tích nghiên cứu tương đương với thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

5. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

Trường hợp đề tài được đánh giá ở mức không đạt chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài.

Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm liên chính học thuật và đạo đức nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài và những người bị truy cứu trách nhiệm hình sự không được tham gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 05 (năm) năm kể từ ngày có văn bản xử lý vi phạm và đã chấp hành, thực hiện xong nghĩa vụ theo văn bản xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”.

18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 1 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Tiếp nhận, quản lý sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ, xác nhận tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí đề tài và quản lý hồ sơ chứng từ theo đúng quy định;”;

b) Bổ sung điểm l, điểm m khoản 1 như sau:

“l) Ban hành quy định đảm bảo liên chính học thuật và đạo đức nghiên cứu trong tổ chức triển khai nghiên cứu;

m) Giới thiệu công khai trong tổ chức chủ trì các thông tin cập nhật về đề tài được Quỹ tài trợ, gồm tên đề tài, tổng kinh phí, thời gian thực hiện, chủ nhiệm và các thành viên đề tài, các kết quả nghiên cứu của đề tài trong suốt thời gian thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 08).”.

19. Bãi bỏ Điều 7 và Điều 13.

20. Thay thế, bổ sung, bãi bỏ các biểu mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ như sau:

a) Thay thế các biểu mẫu ĐXTN-02, ĐXTN-03, ĐXTN-06, ĐXTN-09, ĐXTN-10, ĐXTN-12 bằng các biểu mẫu NAFOSTED 01, NAFOSTED 02, NAFOSTED 03, NAFOSTED 04, NAFOSTED 05, NAFOSTED 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bổ sung biểu mẫu NAFOSTED 07, NAFOSTED 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bãi bỏ các biểu mẫu Mẫu ĐXTN-01, Mẫu ĐXTN-04, Mẫu ĐXTN-05, Mẫu ĐXTN-07, Mẫu ĐXTN-08, Mẫu ĐXTN-11.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-BKHCN ngày ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ.

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành ở Việt Nam và các hội thảo nghiên cứu cơ bản chuyên ngành trong nước (theo chuỗi hội thảo hằng năm hoặc cách năm).”;

b) Bổ sung khoản 10, khoản 11 như sau:

“10. Nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn.

11. Nâng cao năng lực tổ chức nghiên cứu cơ bản đạt trình độ khu vực và thế giới.”.

2. Sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 1a Điều 3 như sau:

“1. *Hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế* là hoạt động được tổ chức để các nhà khoa học có quốc tịch khác nhau, làm việc tại các quốc gia khác nhau trình bày và thảo luận về các kết quả nghiên cứu chuyên sâu ở một hoặc nhiều chủ đề hay chuyên ngành khoa học.

1a. *Hội thảo nghiên cứu cơ bản chuyên ngành trong nước* là hội thảo khoa học chuyên sâu về một ngành khoa học cơ bản được tổ chức ở Việt Nam.”.

3. Sửa đổi khoản 3, khoản 4 và bổ sung khoản 4a Điều 3 như sau:

“3. *Nhà khoa học trẻ tài năng* là nhà khoa học được công nhận nhà khoa học trẻ tài năng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ).

4. *Tạp chí quốc tế có uy tín* là các tạp chí khoa học được lựa chọn từ các danh mục tạp chí được xếp hạng và phân loại theo cơ sở dữ liệu khoa học phổ biến trên thế giới, do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

4a. *Tác giả chính* của bài báo công bố trên các tạp chí khoa học là tác giả có đóng góp quan trọng trong việc hình thành ý tưởng, tổ chức triển khai nghiên cứu và công bố các kết quả nghiên cứu.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi điểm b, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Đối với nhà khoa học đề nghị hỗ trợ tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành: Có công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc, được chấp nhận trình bày (dưới dạng oral presentation) tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành. Hội thảo phải được tổ chức định kỳ bởi các tổ chức uy tín trong lĩnh vực, có các nhà khoa học có uy tín trong lĩnh vực tham dự và trình bày báo cáo, có trang tin điện tử để đưa tin, giới thiệu;

c) Đối với nhà khoa học trẻ tài năng đề nghị hỗ trợ tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế: Có báo cáo được chấp nhận trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế do các tổ chức có uy tín trong lĩnh vực tổ chức. Hội nghị, hội thảo phải có các nhà khoa học uy tín trong lĩnh vực tham dự và trình bày báo cáo, có trang tin điện tử để đưa tin, giới thiệu.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Nội dung hỗ trợ:

a) Quỹ hỗ trợ cá nhân nhà khoa học tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế công tác phí trong thời gian không quá 06 ngày bao gồm cả thời gian đi đường, quá cảnh theo quy định (gồm: 01 vé máy bay hoặc phương tiện khác khứ hồi hạng phổ thông từ Việt Nam đến nơi tổ chức hội nghị, hội thảo; tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập cảnh và ngược lại; tiền thuê phòng nghỉ, tiền ăn và tiêu vặt; bảo hiểm chăm sóc sức khỏe) và phí tham dự hội nghị, hội thảo;

b) Thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ đối với một nhà khoa học tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế không dưới 24 tháng (tính theo các thời điểm khai mạc hội nghị, hội thảo). Đối với nhà khoa học trẻ tài năng, thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ không dưới 12 tháng.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 6 như sau:

“đ. Quyết định công nhận nhà khoa học trẻ tài năng (nếu có);”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 6 như sau:

“a) Hồ sơ đăng ký có thể được nộp thông qua các hình thức: nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của Quỹ hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Nghiên cứu sau tiến sĩ

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

Quỹ xem xét, hỗ trợ các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài đáp ứng đầy

đủ các điều kiện sau đây thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ tại Việt Nam:

a) Có Bằng Tiến sĩ và là tác giả của ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

b) Được một nhà khoa học của Việt Nam nhận bảo trợ thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ. Người bảo trợ nghiên cứu sau tiến sĩ phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn: là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ; không là người hướng dẫn nhà khoa học đề nghị hỗ trợ tại bậc đào tạo tiến sĩ;

c) Có tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam nhận làm đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ. Đơn vị chủ trì phải có đủ cơ sở vật chất và các điều kiện liên quan để triển khai nghiên cứu, đồng ý tiếp nhận người đến thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ và đồng ý hỗ trợ, tạo điều kiện để triển khai nghiên cứu.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

a) Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu;

b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị hỗ trợ;

c) Thành tích nghiên cứu của người bảo trợ; sự phù hợp chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất của đơn vị chủ trì nghiên cứu.

3. Nội dung hỗ trợ:

a) Quỹ hỗ trợ một lần chi phí đi lại trực tiếp tới đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ và ngược lại đối với người thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ không sống tại tỉnh, thành phố có đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ;

b) Tiền công lao động nghiên cứu khoa học cho người thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ trong thời gian 12 tháng. Trường hợp nhà khoa học hoàn thành đúng tiến độ chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ đã đăng ký, tiếp tục gửi hồ sơ đăng ký thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ được Quỹ ưu tiên xem xét hỗ trợ. Tổng thời gian Quỹ hỗ trợ cho một nhà khoa học thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ không quá 24 tháng.

4. Dự kiến kết quả thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ: 01 (một) bài báo gửi đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu đã đăng ký do người thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ là tác giả chính.

5. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ của người đăng ký thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ theo Mẫu NCNLQG 04 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

b) Lý lịch khoa học của người đăng ký thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

c) Bản sao Bằng Tiến sĩ;

d) Quyết định công nhận nhà khoa học trẻ tài năng (nếu có);

d) Thuyết minh đề cương nghiên cứu sau tiến sĩ (làm rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, kế hoạch nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được) có xác nhận của người bảo trợ và đơn vị chủ trì nghiên cứu;

e) Đơn đề nghị hỗ trợ của người bảo trợ nghiên cứu sau tiến sĩ theo Mẫu NCNLQG 05 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

g) Lý lịch khoa học của người bảo trợ nghiên cứu sau tiến sĩ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.

6. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:

a) Hồ sơ đăng ký có thể được nộp thông qua các hình thức: nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của Quỹ hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Thời hạn nộp hồ sơ: chậm nhất ba (03) tháng trước ngày dự kiến bắt đầu thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

Quỹ xem xét, hỗ trợ việc thực tập nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài đối với nhà khoa học đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Được tổ chức nghiên cứu đối tác nước ngoài hoặc nhà khoa học nước ngoài đứng đầu một đơn vị nghiên cứu (nhà khoa học đối tác nước ngoài) mời thực tập, nghiên cứu;

b) Thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đang thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hoặc tương đương. Việc thực tập, nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề nghiên cứu của nhiệm vụ mà điều kiện trong nước không thực hiện được;

- Tham gia chương trình hợp tác giữa Quỹ và các tổ chức nước ngoài nhằm nâng cao năng lực và khả năng hợp tác nghiên cứu giữa nhà khoa học Việt Nam và quốc tế;

- Là nhà khoa học trẻ tài năng.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 8 như sau:

“c) Thành tích nghiên cứu của nhà khoa học đối tác nước ngoài; sự phù hợp chuyên môn, điều kiện cơ sở vật chất của tổ chức đối tác nước ngoài;”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

“3. Nội dung hỗ trợ:

a) Sinh hoạt phí không quá 6 tháng;

b) Tiền bảo hiểm chăm sóc sức khỏe;

c) Chi phí đi lại 01 lần khứ hồi (vé máy bay hoặc phương tiện khác hạng phổ thông), chi phí đi lại ở hai đầu sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập cảnh giữa Việt Nam và đơn vị chủ trì nghiên cứu.”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 4 Điều 8 như sau:

“c) Thư mời hợp tác nghiên cứu của tổ chức đối tác nước ngoài hoặc thư chấp nhận hướng dẫn nghiên cứu của nhà khoa học đối tác nước ngoài quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, trong đó, nêu rõ địa điểm, thời gian, nội dung thực tập, nghiên cứu và trách nhiệm chi trả các khoản kinh phí liên quan;

d) Thuyết minh đề cương nghiên cứu tại tổ chức đối tác nước ngoài (làm rõ mục tiêu, ý nghĩa, sự cần thiết của chuyến thực tập nghiên cứu, nội dung, phương pháp, kế hoạch nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được) được tổ chức đối tác nước ngoài hoặc nhà khoa học đối tác nước ngoài chấp thuận.”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 8 như sau:

“a) Hồ sơ đăng ký có thể được nộp thông qua các hình thức: nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của Quỹ hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học ở Việt Nam

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

Quỹ xem xét, hỗ trợ tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Hội thảo được tổ chức bởi các tổ chức có uy tín trong lĩnh vực, có trang tin điện tử giới thiệu về hội thảo;

b) Được các tổ chức khoa học và công nghệ hoặc các tổ chức nghề nghiệp uy tín trong lĩnh vực bảo trợ;

c) Phù hợp với lĩnh vực hoạt động của đơn vị tổ chức;

d) Có các nhà khoa học uy tín trong lĩnh vực đăng ký tham dự và trình bày báo cáo khoa học tại hội thảo.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

a) Chất lượng hội thảo: đánh giá dựa trên việc tổ chức hội thảo (đơn vị tổ chức, ban tổ chức, ban chương trình, nhà khoa học tham gia), uy tín của hội thảo (chất lượng các lần tổ chức hội thảo trước đó);

b) Ý nghĩa của hội thảo đối với lĩnh vực nghiên cứu tại Việt Nam;

c) Thành tích nghiên cứu của các nhà khoa học nước ngoài đề nghị Quỹ hỗ

trợ kinh phí tham gia hội thảo (đối với Hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành ở Việt Nam);

d) Dự toán kinh phí hợp lý.

3. Nội dung hỗ trợ:

a) Chi phí thuê hội trường tổ chức Hội thảo;

b) Chi phí hỗ trợ các nhà khoa học trong nước và nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo (không quá 10 nhà khoa học nước ngoài và 10 nhà khoa học Việt Nam) bao gồm: thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày, chi phí đi lại tại Việt Nam trong thời gian tham gia hội thảo và một ngày trước, một ngày sau thời gian tham gia hội thảo;

c) Chi phí dịch thuật.

4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ của cơ quan, tổ chức chủ trì theo Mẫu NCNLQG 09 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

b) Văn bản cho phép tổ chức hội thảo của cấp có thẩm quyền;

c) Dự toán kinh phí tổ chức hội thảo, trong đó có dự toán chi tiết chi phí đề nghị Quỹ hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 10 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

d) Danh sách, tóm tắt thông tin cá nhân và báo cáo khoa học của các nhà khoa học đề nghị Quỹ hỗ trợ kinh phí tham gia hội thảo.

5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:

a) Hồ sơ đăng ký có thể được nộp thông qua các hình thức: nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của Quỹ hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là ba (03) tháng trước ngày khai mạc hội thảo.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 10 như sau:

“b) Đã được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 10 như sau:

“2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

Chất lượng, ý nghĩa của công trình đề nghị hỗ trợ công bố; chất lượng của tạp chí đăng tải công trình khoa học.

3. Nội dung hỗ trợ:

a) Quỹ hỗ trợ phí công bố kết quả nghiên cứu;

b) Trường hợp công bố kết quả nghiên cứu do cá nhân nhà khoa học tự thực hiện, không sử dụng ngân sách Nhà nước ngoài kinh phí công bố kết quả nghiên cứu quy định tại Điểm a khoản này, Quỹ hỗ trợ thêm một phần công lao động khoa học hoàn thiện kết quả nghiên cứu, viết bài gửi đăng tạp chí.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 10 như sau:

“c) Quyết định công nhận nhà khoa học trẻ tài năng (nếu có);”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 10 như sau:

“a) Hồ sơ đăng ký có thể được nộp thông qua các hình thức: nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của Quỹ hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 11 như sau:

“a) Hồ sơ đăng ký có thể được nộp thông qua các hình thức: nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của Quỹ hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;”.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 12 như sau:

“a) Hồ sơ đăng ký có thể được nộp thông qua các hình thức: nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của Quỹ hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;”.

11. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 13 và một số điểm của Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi bổ sung tên Điều 13 như sau:

“Điều 13. Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 13 như sau:

“a) Nhà khoa học trẻ tài năng;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 13 như sau:

“c) Quyết định công nhận nhà khoa học trẻ tài năng;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 13 như sau:

“a) Hồ sơ đăng ký có thể được nộp thông qua các hình thức: nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của Quỹ hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;”.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 14 như sau:

“a) Đối với cá nhân: Có kết quả nghiên cứu xuất sắc thông qua thực hiện các

đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ được Hội đồng Khoa học và công nghệ (Hội đồng khoa học) của Quỹ giới thiệu, đề nghị Quỹ khen thưởng và đồng ý tham gia hoạt động khen thưởng của Quỹ;”.

13. Bổ sung Điều 14a và Điều 14b vào sau Điều 14 như sau:

“Điều 14a. Nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn

1. Quỹ thực hiện hỗ trợ nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn thông qua hoạt động tiếp chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam làm việc, hợp tác nghiên cứu liên quan đến nội dung đề tài do Quỹ tài trợ.

2. Nội dung hỗ trợ: Tiền thuê chỗ ở, tiền ăn hàng ngày, chi phí đi lại ở Việt Nam, chi phí dịch thuật cho nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn trong thời gian tối đa 03 tháng.

Điều 14b. Nâng cao năng lực tổ chức nghiên cứu cơ bản đạt trình độ khu vực và thế giới

1. Quỹ hỗ trợ nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu cơ bản của Việt Nam hướng tới các mục tiêu sau:

a) Gia tăng số lượng đề tài nghiên cứu cơ bản cấp quốc gia và tương đương, số lượng đề tài nghiên cứu cơ bản do các tổ chức tài trợ nghiên cứu uy tín quốc tế tài trợ cho tổ chức chủ trì thực hiện;

b) Gia tăng số lượng nhà khoa học dưới 50 tuổi của tổ chức có bằng tiến sĩ và có kết quả nghiên cứu cơ bản được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín với vai trò tác giả chính;

c) Gia tăng số lượng nhà khoa học quốc tế có kết quả nghiên cứu cơ bản xuất sắc tới đơn vị hợp tác nghiên cứu ngắn hạn hoặc trình bày báo cáo khoa học;

d) Gia tăng số lượng nghiên cứu sinh trong nước và quốc tế được tổ chức đào tạo thành công theo chuẩn mực quốc tế;

đ) Gia tăng số hội thảo, hội nghị quốc tế do tổ chức chủ trì thực hiện;

e) Gia tăng số lượng nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu với các tổ chức nghiên cứu cơ bản quốc tế.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

a) Sứ mệnh, tầm nhìn, chức năng và nhiệm vụ của tổ chức phù hợp với việc phát triển thành tổ chức nghiên cứu cơ bản đạt trình độ khu vực và thế giới;

b) Năng lực triển khai nghiên cứu cơ bản theo thông lệ quốc tế của tổ chức thể hiện qua các chỉ số:

- Số lượng và chất lượng nhà khoa học của tổ chức có bằng tiến sĩ và có kết quả nghiên cứu cơ bản được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín với vai trò tác giả chính ở thời điểm xem xét;

- Số lượng và chất lượng kết quả nghiên cứu cơ bản của tổ chức được công bố trong 10 năm gần nhất;

- Số lượng và chất lượng các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản do tổ chức chủ trì thực hiện trong 10 năm gần nhất;

- Số lượng và chất lượng các hợp tác quốc tế trong nghiên cứu của tổ chức.

c) Chất lượng trang thông tin điện tử của tổ chức trong việc thể hiện đầy đủ các thông tin nêu tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

3. Hình thức hỗ trợ: Quỹ xem xét, định kỳ công bố các tổ chức tiềm năng và ưu tiên tài trợ đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài hợp tác quốc tế của Quỹ và ưu tiên hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 10 Điều 1 Thông tư này.”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 15 như sau:

“1. Căn cứ các quy định trong Thông tư này, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân gửi tới Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định. Cơ quan điều hành Quỹ không xem xét các hồ sơ không đầy đủ hoặc không đáp ứng quy định về thời hạn nộp hồ sơ hoặc thuộc các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

a) Trường hợp đăng ký hỗ trợ các hoạt động quy định tại khoản 1, 4 và 5 Điều 1 Thông tư này, Cơ quan điều hành Quỹ xem xét, đánh giá và đề xuất phương án xử lý;

b) Trường hợp đăng ký hỗ trợ các hoạt động quy định tại khoản 2, 3, 6, 7, 8 và 9 Điều 1 Thông tư này, Cơ quan điều hành Quỹ mời ít nhất 02 chuyên gia tư vấn độc lập (thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ) xem xét, đánh giá từng hồ sơ để đề xuất Hội đồng quản lý Quỹ phương án xử lý.

c) Quỹ ưu tiên hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng, nhà khoa học đoạt giải thưởng Tạ Quang Bửu, nhà khoa học được Quỹ khen thưởng.

2. Hồ sơ đáp ứng đầy đủ các quy định của Quỹ, được ít nhất 2/3 số chuyên gia tư vấn độc lập đề nghị hỗ trợ (với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) được Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hỗ trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

3. Sau khi Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Cơ quan điều hành Quỹ thông báo kết quả trực tiếp cho cá nhân, tổ chức đăng ký hỗ trợ. Quỹ không trả lại hồ sơ đăng ký hỗ trợ.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 như sau:

“5. Việc xem xét khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ sẽ được thực hiện theo kế hoạch hoạt động của Quỹ. Quỹ thông báo kết quả cho tổ chức, cá nhân được Hội đồng quản lý Quỹ khen thưởng, và công khai các kết quả khen thưởng trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ.”.

15. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 16 như sau:

“d) Gửi báo cáo bằng văn bản tới Quỹ về tình hình, kết quả thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ được Quỹ hỗ trợ theo mẫu NCNLQG 17 quy định tại Phụ lục của Thông tư này trong thời gian một (01) tháng sau khi kết thúc nhiệm vụ và giao nộp cho Quỹ các kết quả liên quan sau khi hoàn thành. Cung cấp thông tin, tham gia các khảo sát về các hoạt động đã thực hiện theo yêu cầu của Quỹ (nếu có);

đ) Chịu trách nhiệm về nội dung công bố theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu và các quy định khác của pháp luật Việt Nam; ghi nhận sự hỗ trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong các kết quả nghiên cứu được công bố là kết quả của các hoạt động quy định tại khoản 2, 3 và 8 Điều 1 Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định khác của Quỹ không được đăng ký đề nghị Quỹ tài trợ, hỗ trợ trong thời gian hai (02) năm tính từ ngày có quyết định xử lý vi phạm. Trường hợp vi phạm dẫn đến việc đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu, cá nhân vi phạm không được đăng ký đề nghị Quỹ tài trợ, hỗ trợ trong thời gian năm (05) năm tính từ ngày có quyết định xử lý vi phạm và đã chấp hành, thực hiện các nghĩa vụ theo quyết định xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền. Nếu vi phạm được xác định có liên quan trực tiếp với các khen thưởng Quỹ đã trao tặng, Quỹ ra quyết định hủy bỏ các khen thưởng này.”.

16. Thay thế các biểu mẫu NCNLQG 01, NCNLQG 02, NCNLQG 03, NCNLQG 04, NCNLQG 05, NCNLQG 06, NCNLQG 07, NCNLQG 08, NCNLQG 09, NCNLQG 10, NCNLQG 11, NCNLQG 12, NCNLQG 13, NCNLQG 14, NCNLQG 15, NCNLQG 16, NCNLQG 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2015/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ bằng các biểu mẫu tương ứng tại Phụ lục II ban hành kèm theo thông tư này.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 15/2016/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ

1. Sửa đổi khoản 1, bổ sung khoản 1a Điều 2 như sau:

“1. *Tạp chí quốc tế có uy tín* là các tạp chí khoa học được lựa chọn từ các danh mục tạp chí được xếp hạng và phân loại theo cơ sở dữ liệu học phổ biến trên thế giới, do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

1a. *Tác giả chính* của bài báo công bố trên các tạp chí khoa học là tác giả có đóng góp quan trọng trong việc hình thành ý tưởng, tổ chức triển khai nghiên cứu và công bố các kết quả nghiên cứu.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 của Điều 3 như sau:

“a) Đánh giá thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng khoa học) và chuyên gia tư vấn độc lập (ngoài Hội đồng khoa học);”.

3. Bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Tham dự và trình bày các kết quả của đề tài tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế ở nước ngoài.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Chuyên gia đánh giá

1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học, nhà quản lý được Quỹ mời tư vấn, đánh giá về các nội dung liên quan đến các hoạt động tài trợ, hỗ trợ của Quỹ với vai trò chuyên gia tư vấn độc lập hoặc thành viên Hội đồng khoa học. Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

a) Chuyên gia đánh giá là nhà khoa học phải có phải có kết quả nghiên cứu được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo hoặc là tác giả sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ trong thời gian 05 (năm) năm gần nhất hoặc có kết quả nghiên cứu được ứng dụng và kết quả nghiên cứu đó được công bố trong thời gian 10 (mười) năm gần nhất. Chuyên gia đánh giá là nhà quản lý phải hoạt động trong lĩnh vực hoặc làm việc, công tác liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

b) Đồng ý tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.

2. Chuyên gia đánh giá chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan công việc tư vấn, đánh giá; tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu trong quá trình đánh giá.

3. Chuyên gia đánh giá không tham gia đánh giá đề tài do mình đăng ký làm chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện, đề tài do tổ chức nơi mình công tác đăng ký chủ trì; không tham gia các hoạt động tư vấn, đánh giá khoa học và công nghệ nếu có quyền, lợi ích hoặc xung đột liên quan khác hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết quả đánh giá.

4. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành Quy chế về cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ phù hợp với các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Hội đồng khoa học

1. Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn cho Quỹ về các vấn đề sau đây:

- a) Đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện đề tài;
- b) Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Hội đồng khoa học bao gồm các thành viên là các nhà khoa học, nhà quản lý. Thành viên Hội đồng khoa học được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:

- a) Đáp ứng các tiêu chí như đối với chuyên gia đánh giá quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này;
- b) Được các nhà khoa học, nhà quản lý trong cùng lĩnh vực chuyên môn tín nhiệm giới thiệu;
- c) Thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ;
- d) Cam kết tham gia và thực hiện các quy định của Quỹ.

3. Hội đồng khoa học hoạt động theo nhiệm kỳ 02 năm. Thành viên tham gia Hội đồng khoa học không quá 03 nhiệm kỳ liên tiếp; các thành viên thường trực Hội đồng khoa học (bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch và thư ký khoa học) đảm nhiệm vị trí thường trực không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.

4. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng khoa học theo đề xuất của Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ.

5. Hội đồng quản lý Quỹ quy định quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Căn cứ theo kế hoạch hoạt động, Quỹ thông báo các hướng nghiên cứu ứng dụng do Quỹ tài trợ, hướng dẫn về điều kiện, thủ tục và thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 7 như sau:

“3. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài bao gồm:

- a) Đơn đăng ký đề tài (Mẫu NAFOSTED 01);
- b) Thuyết minh đề tài (Mẫu NAFOSTED 02);

c) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài và các thành viên (Mẫu NAFOSTED 03) và các tài liệu chứng minh thành tích nghiên cứu;

d) Tài liệu liên quan khác nếu tổ chức, cá nhân thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ.

4. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài có thể được nộp thông qua các hình thức: nộp trực tiếp hoặc nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa của Quỹ hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Khoa học và Công nghệ.”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Đối với tổ chức chủ trì đề tài:

Có tư cách pháp nhân, có năng lực hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài, có đủ các điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu của đề tài. Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài, đã nộp báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài và hoàn trả kinh phí thu hồi theo quy định đối với các đề tài được Quỹ tài trợ trước đó (nếu có).”;

b) Sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:

“4. Tại cùng một thời điểm, mỗi cá nhân được làm chủ nhiệm không quá 01 (một) đề tài do Quỹ tài trợ (trừ trường hợp đảm nhiệm thêm vai trò chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn).”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 9 như sau:

“1. Thời gian thực hiện đề tài là 36 tháng (chưa bao gồm thời gian gia hạn).

2. Kết quả của đề tài:

a) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, kết quả của đề tài là những phương pháp, cách thức mới để giải quyết các vấn đề về xã hội, con người cho các đối tượng, mục tiêu cụ thể;

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, kết quả của đề tài được thể hiện thông qua ít nhất một trong các hình thức sau: bí quyết kỹ thuật, phương án, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ.”;

b) Sửa điểm b khoản 4 Điều 9 như sau:

“b) 01 (một) bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín và 01 (một) bài báo công bố trên tạp chí quốc gia; Trường hợp do đặc thù của vấn đề nghiên cứu không thể công bố trên các tạp chí quốc tế thì sản phẩm đề tài phải có ít nhất 01 (một) sách chuyên khảo (đã xuất bản) và 02 (hai) bài báo công bố trên tạp chí quốc gia. Hội đồng khoa học đánh giá xét chọn đề xuất các trường hợp này để Quỹ xem xét, quyết định.”

c) Sửa đổi bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 9 như sau:

“5. Chủ nhiệm đề tài là tác giả của ít nhất 01 (một) bằng độc quyền sáng chế, hoặc 01 (một) bằng bảo hộ giống cây trồng, hoặc là tác giả chính ít nhất 01 (một) bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài. Thành viên chính của đề tài là tác giả của ít nhất 01 công bố là kết quả của đề tài.

6. Các sản phẩm công bố của đề tài phải ghi nhận tài trợ của Quỹ theo đúng mã số đề tài. Trường hợp sản phẩm công bố ghi nhận tài trợ theo nhiều đề tài do

Quỹ tài trợ hoặc ghi nhận tài trợ đồng thời bởi Quỹ và tổ chức tài trợ khác, cần có giải trình chi tiết và cung cấp đầy đủ minh chứng về việc không sử dụng trùng lặp nguồn kinh phí của Quỹ hoặc nguồn kinh phí khác của Nhà nước.”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Quỹ thực hiện việc đánh giá xét chọn đề tài theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể về trình tự tổ chức đánh giá xét chọn và phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại các phiên họp đánh giá xét chọn đề tài.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Thẩm định kinh phí, phê duyệt và công bố danh mục đề tài

1. Căn cứ kết quả đánh giá xét chọn, Cơ quan điều hành Quỹ thẩm định kinh phí thực hiện các đề tài được đề nghị tài trợ. Việc thẩm định kinh phí thực hiện thông qua Tổ thẩm định kinh phí. Hội đồng quản lý Quỹ quy định về thành phần và phương thức làm việc của Tổ thẩm định kinh phí, giao Giám đốc Quỹ thành lập Tổ thẩm định kinh phí.

2. Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo kết quả đánh giá xét chọn, kết quả thẩm định kinh phí, đối chiếu với kế hoạch, khả năng tài chính của Quỹ và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí các đề tài được Quỹ tài trợ.

3. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí các đề tài được Quỹ tài trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

4. Trong thời gian 05 tháng kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Thực hiện hợp đồng tài trợ nghiên cứu khoa học

1. Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được tài trợ để hoàn thiện hồ sơ đề tài theo quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí.

2. Cơ quan điều hành Quỹ ký hợp đồng tài trợ nghiên cứu khoa học (sau đây gọi là hợp đồng) với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED 04).

3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá

đề tài và giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài. Thuyết minh đề tài sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.

4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh có thể làm thay đổi nội dung của hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi Quỹ theo quy định.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Báo cáo và đánh giá định kỳ

1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED 05), gửi Cơ quan điều hành Quỹ.

2. Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng đánh giá định kỳ để đánh giá về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài.

Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài theo đề xuất của Hội đồng đánh giá định kỳ. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.

3. Kết quả đánh giá định kỳ và kết quả kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài (nếu có) được thông báo tới tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quy định về thành phần và phương thức làm việc của Hội đồng đánh giá định kỳ.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Điều chỉnh kinh phí thực hiện đề tài

Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện đề tài (theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và theo phương thức khoán chi từng phần) được thực hiện theo quy định quản lý tài chính hiện hành.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Thay đổi tổ chức chủ trì đề tài

1. Trường hợp thay đổi tổ chức chủ trì theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sáp nhập, chia tách, giải thể thì Tổ chức chủ trì đã được phê duyệt, tổ chức chủ trì thay thế và chủ nhiệm đề tài đề nghị bằng văn bản đề Quỹ xem xét, quyết định. Tổ chức chủ trì thay thế phải đáp ứng các yêu cầu đối với tổ chức chủ trì đề tài của Quỹ theo quy định.

2. Trường hợp các tổ chức chủ trì thay đổi tên: Tổ chức chủ trì thông báo cho Quỹ bằng văn bản kèm theo Quyết định thay đổi tên tổ chức chủ trì (Bản gốc hoặc bản sao công chứng). Tổ chức chủ trì được sử dụng tên mới trong các văn bản, công văn giao dịch với Quỹ kể từ thời điểm Quyết định thay đổi tên tổ chức chủ trì có hiệu lực.

3. Quỹ không xem xét việc đề xuất thay đổi tổ chức chủ trì ngoài các trường hợp nêu trên.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Thay đổi chủ nhiệm đề tài

1. Quỹ xem xét việc thay đổi chủ nhiệm đề tài khi tổ chức chủ trì có văn bản gửi đến Quỹ và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chủ nhiệm đề tài bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của đề tài (có văn bản xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền);

b) Chủ nhiệm đề tài tử vong hoặc mất tích trên 06 (sáu) tháng.

2. Chủ nhiệm đề tài mới phải đáp ứng các yêu cầu đối với chủ nhiệm đề tài do Quỹ tài trợ theo quy định.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Điều chỉnh nội dung của đề tài

Tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh nội dung đề tài theo đề xuất của chủ nhiệm đề tài và chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh nhưng không làm thay đổi mục tiêu, thời gian, kết quả và tổng kinh phí thực hiện đề tài.”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Điều chỉnh thời gian thực hiện đề tài

1. Trường hợp đề tài không có khả năng hoàn thành đúng thời hạn thực hiện đề tài, chậm nhất 60 (sáu mươi) ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản, giải trình lý do và kiến nghị về việc gia hạn thực hiện đề tài gửi Quỹ kèm theo báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 06) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Quỹ xem xét và có văn bản trả lời về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn thực hiện đề tài. Việc gia hạn thực hiện đề tài chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi đề tài. Thời gian gia hạn tối đa là 12 (mười hai) tháng.

Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

2. Trường hợp đề tài đã hoàn thành nội dung công việc, đã triển khai ít nhất 3/4 (ba phần tư) thời gian thực hiện và có đủ kết quả theo hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì gửi văn bản đề nghị và Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài để Quỹ xem xét tổ chức đánh giá kết quả thực hiện đề tài.”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Điều chỉnh khác đối với đề tài

1. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài được quyền điều chỉnh đối với các trường hợp sau nhưng không làm thay đổi mục tiêu, thời gian, kết quả, tổng kinh phí không được giao khoán (nếu có) và tổng kinh phí thực hiện đề tài:

a) Điều chỉnh mua sắm vật tư, nguyên, nhiên vật liệu: Trên cơ sở đề xuất của chủ nhiệm đề tài, thủ trưởng tổ chức chủ trì đề tài quyết định điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại vật tư, nguyên, nhiên vật liệu mua bằng ngân sách nhà nước và không làm tăng tổng kinh phí của mục chi mua sắm vật tư, nguyên, nhiên vật liệu;

b) Điều chỉnh, bổ sung thành viên tham gia đề tài: Trên cơ sở đề xuất của chủ nhiệm đề tài, thủ trưởng tổ chức chủ trì đề tài quyết định điều chỉnh, bổ sung thành viên tham gia đề tài để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nội dung, kết quả của đề tài đã được phê duyệt. Việc điều chỉnh, bổ sung phải đáp ứng quy định về yêu cầu đối với thành viên tham gia đề tài;

c) Đối với đoàn ra: Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài được chủ động quyết định điều chỉnh kế hoạch đoàn ra.

Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài được chủ động điều chỉnh thời điểm và thời gian tổ chức đoàn ra phù hợp với thực tế.

2. Quỹ xem xét phê duyệt, điều chỉnh đối với các trường hợp sau:

a) Đối với đoàn ra: Điều chỉnh nước đến, số lượng người tham gia, kinh phí tổ chức đoàn ra của đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần;

b) Các trường hợp khác theo đề xuất của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài.”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Trình tự, thủ tục điều chỉnh

1. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh của Quỹ:

a) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh bao gồm: Đơn đề nghị thay đổi nội dung hợp đồng của chủ nhiệm đề tài kèm theo Công văn đề nghị của tổ chức chủ trì đề tài (Mẫu NAFOSTED 07) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; tài liệu khác có liên quan (nếu có);

b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ thời điểm nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, Quỹ ban hành quyết định điều chỉnh hoặc gửi công văn trả lời tới tổ chức chủ trì đề tài nêu rõ lý do không điều chỉnh;

c) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phương án điều chỉnh đối với các trường hợp điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm, tổng kinh phí, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm

đề tài;

Đối với các điều chỉnh do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định, Cơ quan điều hành Quỹ căn cứ vào hồ sơ điều chỉnh, đề xuất trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định;

d) Cơ quan điều hành Quỹ xem xét, quyết định việc điều chỉnh thời gian thực hiện, đoàn ra, kinh phí không khoán chi trên cơ sở đảm bảo mục tiêu, kết quả của đề tài và không làm thay đổi tổng kinh phí thực hiện đề tài;

đ) Các văn bản điều chỉnh (nếu có) là thành phần của Hợp đồng đã ký;

e) Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập hoặc Hội đồng khoa học hoặc thành lập Hội đồng tư vấn để đánh giá sự phù hợp của đề nghị điều chỉnh. Nhận xét của chuyên gia độc lập hoặc Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng tư vấn là căn cứ để Quỹ xem xét, xử lý đối với đề nghị điều chỉnh.

2. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh của tổ chức chủ trì:

a) Hồ sơ, trình tự thủ tục điều chỉnh được thực hiện theo quy định nội bộ của tổ chức chủ trì đề tài;

b) Trường hợp không chấp nhận việc thay đổi của chủ nhiệm đề tài, trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ khi nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh, tổ chức chủ trì phải có ý kiến bằng văn bản gửi chủ nhiệm đề tài nêu rõ lý do không đồng ý điều chỉnh;

c) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài báo cáo với Quỹ về các nội dung đã điều chỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi có văn bản điều chỉnh. Trường hợp không đồng ý với các điều chỉnh của Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Cơ quan điều hành Quỹ có ý kiến bằng văn bản tới tổ chức chủ trì, trong đó nêu rõ lý do không đồng ý.”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Hủy bỏ quyết định phê duyệt tài trợ và chấm dứt hợp đồng

1. Trong thời gian kể từ ngày có quyết định phê duyệt danh mục các đề tài được tài trợ đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện, Quỹ có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt tài trợ cho đề tài thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có sự giả mạo, gian lận hoặc khai báo không trung thực trong hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài;

b) Vi phạm các yêu cầu đối với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện đề tài từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;

d) Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện thuyết minh đề tài và hợp đồng theo yêu cầu.

Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành.

2. Các trường hợp thực hiện thủ tục chấm dứt hợp đồng:

a) Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;

b) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài bị đình chỉ thực hiện đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

c) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài không nộp báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài hoặc nộp muộn quá 02 tháng so với thời hạn được quy định;

d) Đề tài không thể tiếp tục thực hiện do Quỹ không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện đề tài mà không có lý do chính đáng, hoặc không giải quyết những kiến nghị, đề xuất của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng được lập thành 01 (một) bộ (bản chính) bao gồm:

a) Công văn của tổ chức chủ trì về việc chấm dứt hợp đồng (nếu có);

b) Thông báo tạm dừng thực hiện đề tài của Quỹ;

c) Hợp đồng đã ký giữa chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì và Quỹ;

d) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài (trong đó nêu rõ nội dung, sản phẩm khoa học và công nghệ đã hoàn thành, đang triển khai và chưa triển khai, tình hình sử dụng, thanh quyết toán kinh phí) hoặc các báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài (nếu có) và / hoặc biên bản kiểm tra thực tế (nếu có) trong trường hợp tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài không nộp báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài theo quy định;

đ) Tài liệu khác (nếu có).

4. Thông báo chấm dứt hợp đồng:

a) Trong trường hợp tổ chức chủ trì đề tài chủ động đề nghị chấm dứt hợp đồng: Tổ chức chủ trì gửi đề nghị chấm dứt hợp đồng tới Quỹ, bao gồm công văn giải trình và báo cáo tình hình thực hiện đề tài quy định tại điểm a và điểm d khoản 3 Điều này.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được đề nghị hợp lệ của tổ chức chủ trì, Quỹ xem xét và gửi thông báo tạm dừng thực hiện đề tài cho tổ chức chủ trì;

b) Trường hợp Quỹ đề nghị chấm dứt hợp đồng: Cơ quan điều hành Quỹ gửi thông báo tạm dừng thực hiện đề tài.

c) Kể từ ngày nhận được thông báo tạm dừng thực hiện đề tài, tổ chức chủ

trì phải ngừng mọi hoạt động có liên quan đến đề tài. Trong trường hợp quy định tại điểm b khoản này, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài và gửi đến Quỹ trong thời hạn 30 ngày.

5. Kiểm tra, quyết định chấm dứt hợp đồng:

a) Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các chuyên gia tư vấn độc lập. Trong quyết định chấm dứt hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm từ kinh phí do Quỹ tài trợ;

b) Quỹ thực hiện thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì đề tài theo quy định hiện hành.

6. Trường hợp chấm dứt hợp đồng thực hiện đề tài theo các trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 03 năm kể từ ngày ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng.”.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Báo cáo và hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện đề tài

1. Báo cáo kết quả thực hiện đề tài, bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 06);

b) Tài liệu chứng minh về sản phẩm của đề tài là công trình công bố trên tạp chí khoa học, bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng (trường hợp chưa được cấp bằng phải có thông báo chấp nhận đơn và minh chứng về việc tiếp nhận yêu cầu thẩm định nội dung của cơ quan có thẩm quyền cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng và kết quả tra cứu khả năng bảo hộ từ các cơ quan, tổ chức có chứng nhận hoạt động hợp pháp) và các sản phẩm khoa học khác (nếu có).

2. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài bao gồm:

a) Báo cáo kết quả thực hiện đề tài theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Hợp đồng (bao gồm thuyết minh đề tài);

c) Các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).”.

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Đánh giá kết quả đề tài

1. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện đề tài và nộp đến Quỹ trong thời gian 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc thời gian thực hiện đề tài.

2. Cơ quan điều hành Quỹ chuẩn bị hồ sơ đánh giá kết quả đề tài theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư này và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện đề tài theo nguyên tắc quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư này.

3. Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện đề tài:

a) Việc tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài;

b) Kết quả nghiên cứu đạt được trong thời gian thực hiện đề tài được thể hiện trong báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài;

c) Kết quả công bố trong thời gian thực hiện đề tài (nếu có): Bằng độc quyền sáng chế; bằng bảo hộ giống cây trồng; bằng độc quyền giải pháp hữu ích; bài báo đã được các tạp chí quốc tế có uy tín, tạp chí khoa học khác công bố (trực tuyến hoặc bản in); bài báo đã nộp đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, được tạp chí tiếp nhận và gửi xin ý kiến phản biện; sách chuyên khảo; báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học; các kết quả khác;

d) Ý nghĩa thực tiễn, khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài;

đ) Mức độ thành công của đề tài khi so sánh kết quả đạt được với mục tiêu nghiên cứu và kết quả dự kiến đề ra trong thuyết minh.

5. Hội đồng quản lý Quỹ quy định về trình tự tổ chức đánh giá kết quả đề tài và phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại phiên họp đánh giá kết quả đề tài.”.

23. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

“1. Trên cơ sở đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm đăng ký kết quả thực hiện theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu giữ thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày có kết quả đánh giá của Hội đồng khoa học, Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp nội dung đánh giá kết quả thực hiện đề tài, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 6 như sau:

“5. Trường hợp đề tài không đạt, hoặc chưa có bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng là sản phẩm của đề tài như đăng ký, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 02 năm kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài.

6. Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài và những người bị truy cứu trách nhiệm hình sự không được tham

gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 05 năm kể từ ngày có văn bản xử lý vi phạm và đã thực hiện, chấp hành xong nghĩa vụ theo văn bản xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”.

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 như sau:

“2. Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng.”

25. Sửa đổi, bổ sung một số điểm khoản 1 Điều 29 như sau:

a) Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 29 như sau:

“c) Tiếp nhận, quản lý sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ, xác nhận tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí đề tài và quản lý hồ sơ chứng từ theo đúng quy định”;

b) Bổ sung điểm h, điểm i vào sau điểm g khoản 1 Điều 29 như sau:

“h) Đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu đối với các nội dung liên quan đến đề tài được Quỹ tài trợ;

i) Giới thiệu công khai trong tổ chức chủ trì các thông tin cập nhật về đề tài được Quỹ tài trợ, gồm tên đề tài, tổng kinh phí, thời gian thực hiện, chủ nhiệm và các thành viên đề tài, các kết quả nghiên cứu của đề tài trong suốt thời gian thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 08).”.

26. Bãi bỏ khoản 3 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 8 và Điều 27.

27. Thay thế, bổ sung các Biểu mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ như sau:

a) Thay thế các biểu mẫu NCUD01, NCUD02, NCUD03, NCUD04, NCUD 05, NCUD06, NCUD07 bằng các Biểu mẫu NAFOSTED 01, NAFOSTED 02, NAFOSTED 03, NAFOSTED 04, NAFOSTED 05, NAFOSTED 06, NAFOSTED 07 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bổ sung biểu mẫu NAFOSTED 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025.

2. Trường hợp các đề tài được Quỹ tiếp nhận hồ sơ trước ngày có hiệu lực của Thông tư này thì thực hiện theo các Thông tư có hiệu lực tại thời điểm thông báo tiếp nhận hồ sơ đối với các quy định sau: các danh mục tạp chí ISI có uy tín, tạp chí quốc tế có uy tín và quốc gia có uy tín; điều kiện đối với tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài; yêu cầu đối với thời gian thực hiện và kết quả nghiên cứu của đề tài; thời gian chờ công bố của đề tài (nếu có) được công nhận là thời gian thực hiện đề tài.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, PC, NAFOSTED.

Handwritten signature



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Handwritten signature
Bùi Thế Duy